

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-PT

Ngày: 19-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLPT-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Văn T**, sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (chết) và bà Dương Thị C (chết); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2010 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng biện pháp đưa người vào cơ sở chữa bệnh đối với Lê Văn T với thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy, sống lang thang”; Tại Bản án số 33/2013/HSST, ngày 26/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xử phạt Lê Văn T 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự (chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16/8/2014). Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/10/2019 chuyển tạm giam ngày 29/10/2019 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 15 phút ngày 25/10/2019, Lê Văn T đi bộ đến khu vực gần sân vận động tỉnh Bến Tre để tìm người quen. Khi T đi ngang nhà của chị Trần Thị Ngọc D ở số xxx, Khu phố x, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì

phát hiện trong sân nhà chị D có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Future, biển số xxBx-xxxx.xx trên xe có 01 nón bảo hiểm, bên trong cốp xe có 01 áo khoác và 01 bộ áo mưa) không người trông coi, chìa khóa gắn sẵn trên xe nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T lén lút đi vào lấy trộm xe của chị D rồi chạy lên Thành phố Hồ Chí Minh để bán nhưng khi đi đến khu vực huyện Bến Lức, tỉnh Long An thì bị bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số xxBx-xxxx.xx, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu đen- xám, số máy C53E-1034435, số khung 5335DY034361; 01 nón bảo hiểm màu tím; 01 áo khoác màu đỏ; 01 bộ áo mưa sọc caro màu trắng-đen; 01 điện thoại Sam sung màu đen, số IMEI: 359831/06/76008/5.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1011/KL-HĐĐG ngày 04/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre đã kết luận: 01 xe mô tô biển số xxBx-xxxx.xx, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu đen- xám, số máy C53E-1034435, số khung 5335DY034361 có giá trị là 18.000.000 đồng; 01 nón bảo hiểm màu tím, trị giá tài sản ngày 25/10/2019 là 91.000 đồng; 01 áo khoác màu đỏ, trị giá tài sản ngày 25/10/2019 là 15.000 đồng; 01 bộ áo mưa sọc caro màu trắng-đen, trị giá tài sản ngày 25/10/2019 là 120.000 đồng; Tổng giá trị tài sản là 18.226.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 20-02-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2019; Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo. Ngày 24/02/2020, bị cáo Lê Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt đề bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được

xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Lê Văn T lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị Ngọc D 01 xe mô tô biển số xxBx-xxxx.xx, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu đen-xám, một nón bảo hiểm màu tím, một áo khoác màu đỏ, một bộ áo mưa sọc ca rô màu trắng-đen có tổng giá trị tài sản là 18.226.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo T là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt tù, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm tù là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Mặt khác, mặc dù về nhân thân xác định bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, song xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo đã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị kết án về tội cướp giật tài sản nhưng không chịu cải tạo bản thân mà tiếp tục phạm tội. Điều đó đã minh chứng rằng, bị cáo là người khó cải tạo giáo dục nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm xâm phạm sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Do đó, kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đề xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2019.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I-Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (3b);
- Công an thành phố B (1b);
- VKSND thành phố B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Nhà tạm giữ Công an thành phố B (02b để giao cho bị cáo 1b);
- UBND xã B (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn